NGHIỆM THU NHIỆM VỤ SỰ NGHIỆP KH&CN LIÊN KẾT: "TRỒNG THỬ NGHIỆM SA SÂM TRÊN VÙNG ĐẤT CÁT VEN BIỂN QUẢNG BÌNH"

Ngày 28/3/2022, Hội đồng Khoa học nghiệm thu nhiệm vụ sự nghiệp KH&CN cấp tỉnh tổ chức nghiệm thu nhiệm vụ: "Trồng thử nghiệm sa sâm trên vùng đất cát ven biển Quảng Bình" do Hợp tác xã Nông nghiệp sinh thái Dũng Na chủ trì thực hiện.

Sa sâm có tên khoa học là Launaev Sarmentosa, còn được gọi hải cúc, xà lách biển hay sâm cát,... và được cho là cây "nhân sâm" quý. Từ lâu, cây đã phát triển tốt trên vùng đất cát ven biển miền Trung và một số tỉnh ven biển miền Nam, đặc biệt xuất hiện rất sớm ở vùng ven biển tỉnh Quảng Bình. Với điều kiện tự nhiên và lợi thế về vùng đất cát ven biển rộng lớn của tỉnh nên thuận lợi cho việc phát triển cây sa sâm, tuy nhiên đây là cây có giá trị dược liệu cao nên trong tự nhiên bị khai thác quá mức và trở nên cạn kiệt. Do đó, nguồn cung cấp cho thị trường đông y trong tỉnh chưa chủ động mà chủ yếu đặt hàng ngoại tỉnh. Thêm vào đó, sản lượng sa sâm trồng chưa nhiều và không đáp ứng đủ nhu cầu cho đời sống hàng ngày của người dân.

Sau gần một năm triển khai thực hiện (5/2021 - 4/2022) với diện tích 1.000m^2 tại xã Đồng Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình, nhiệm vụ đã đánh giá được khả năng sinh trưởng phát triển của sa sâm trên vùng đất cát tại xã Đồng Trạch; Xây dựng quy trình kỹ thuật trồng và chăm sóc sa sâm. Kết quả cụ thể: Tỷ lệ sống cây sa sâm sau một tháng trồng trung bình đạt 96,9%, cao hơn mục tiêu đề ra là 6,9%; khả năng hình thành chồi mới cho thấy, sau 14 ngày trồng bắt đầu phát triển chồi mới và sau 30 ngày trồng đạt trung bình 2,33 chồi/cây; trong quá trình triển khai mô hình chưa phát hiện các loại sâu bệnh hại trên cây sa sâm.

Tại buổi nghiệm thu, Hội đồng khoa học khẳng định nhiệm vụ đã hoàn thành các nội dung đề ra. Kết quả của nhiệm vụ sử dụng làm tài liệu tham khảo cho các nghiên cứu chuyên sâu tiếp theo đối với cây sa sâm. Nhiệm vụ góp phần trong việc bảo tồn, duy trì loại dược liệu quý, đồng thời cung cấp nguồn giống cây dược liệu cho y học. Xây dựng được quy trình kỹ thuật trồng và chăm sóc cây sa sâm ở vùng đất cát ven biển tại Quảng Bình ■

TN

NGHIỆM THU NHIỆM VỤ SỰ NGHIỆP KH&CN LIÊN KẾT: "MÔ HÌNH DÊ BÁCH THẢO TẠI HUYỆN TUYÊN HÓA"

Ngày 20/4/2022, nhiệm vụ sự nghiệp KH&CN liên kết: "Mô hình dê Bách Thảo tại huyện Tuyên Hóa" do Hợp tác xã DVNN và SXKDTH Hùng Thương chủ trì thực hiện đã được tiến hành nghiệm thu.

Xã Phong Hóa, huyện Tuyên Hóa là một xã miền núi, người dân chủ yếu là sản xuất nông nghiệp. Diện tích đất vườn gò đồi lớn thuận lợi cho việc phát triển chăn nuôi dê bán chăn thả. Mặc dù chăn nuôi dê có từ lâu, dê được nuôi rộng rãi trong các gia đình nhưng với số lượng ít, chủ yếu theo phương thức chăn thả tự do, ít đầu tư thâm canh, công tác phòng trừ dịch bệnh không chu đáo nên dịch bệnh xảy ra thường xuyên, khả năng rủi ro cao nên chăn nuôi dê chưa phát triển.

Mục tiêu của nhiệm vụ là đánh giá khả năng sinh trưởng, phát triển dê Bách Thảo nuôi thịt và nuôi sinh sản để bổ sung đối tượng nuôi mới, đa dạng đối tượng vật nuôi cho các hộ dân ở xã Phong Hóa nói riêng và huyện Tuyên Hóa nói chung. Tăng số lượng đàn dê từ 27 con dê Bách Thảo bố mẹ ban đầu sau khi kết thúc nhiệm vụ sẽ tăng lên 72 con. Trong đó, 25 con

dê cái nền, 2 con dê đực giống và 45 con dê con tạo nguồn giống và một lượng thịt dê lớn để cung cấp ra những địa bàn có điều kiện phù hợp. Chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật cho người dân. Nâng cao trình độ chăn nuôi dê.

Đối tượng nghiên cứu là dê Bách Thảo giống 6 tháng tuổi, dê cái có trọng lượng 17 kg/con, dê đực có trọng lượng 25 kg/con, sinh trưởng phát triển bình thường, đủ tiêu chuẩn làm giống. Qua thời gian triển khai từ tháng 5 năm 2020 đến nay, kết quả nhiệm vụ đạt được như sau: Từ số lượng 25 con dê cái nền, 2 con dê đực giống, đến nay đã tăng lên 74 con (trong đó 25 con dê cái nền, 2 con dê đực giống và 47 con dê con). Đã chuyển giao tiến bộ khoa kỹ thuật cho người dân. Hoàn thiện quy trình kỹ thuật nuôi dê Bách Thảo phù hợp với điều kiện địa phương. Lãi trung bình mỗi tháng đạt hơn 7 triệu đồng.

Kết quả của nhiệm vụ sẽ góp phần đáng kể vào chủ trương chuyển đổi cơ cấu nông nghiệp theo hướng tăng tỷ trọng các đối tượng vật nuôi có giá trị kinh tế cao. Đồng thời nhiệm vụ tạo ra một nghề mới trong ngành chăn nuôi, tạo công ăn việc làm, tăng thu nhập cho người lao động nông thôn. Sản phẩm của nhiệm vụ làm tăng nguồn cung cấp thực phẩm cho thị trường, đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng về thực phẩm có chất lượng cao ■

TN

NGHIỆM THU NHIỆM VỤ KH&CN: "NGHIÊN CỨU, ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG CÔNG TÁC PHÒNG CHỐNG, TÌM KIẾM CỨU NẠN, CỨU HỘ, KHẮC PHỤC HẬU QUẢ LỤT BÃO CỦA LỰC LƯỢNG VŨ TRANG TỈNH QUẢNG BÌNH"

Ngày 13/4/2022, Hội đồng Khoa học nghiệm thu nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh tổ chức nghiệm thu nhiệm vụ: "Nghiên cứu, đề xuất giải pháp tăng cường công tác phòng chống, tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ, khắc phục hậu quả lụt bão của lực lượng vũ trang tỉnh Quảng Bình", do Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Quảng Bình chủ trì thực hiện.

Mục tiêu của nhiệm vụ là làm rõ một số vấn đề cơ bản về lý luận công tác phòng chống, tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ, khắc phục hậu quả lụt bão và phân tích đánh giá thực trạng lụt bão trong thời gian qua; Đề xuất các mô hình và giải pháp nhằm tăng cường công tác phòng chống, tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ, khắc phục hậu quả lụt bão của lực lượng vũ trang trên địa bàn tỉnh Quảng Bình trong thời gian tới.

Sau thời gian thực hiện từ tháng 8 năm 2020 đến nay, với phạm vi thực hiện là nghiên cứu tổng thể trên địa bàn tỉnh Quảng Bình gồm cả 3 loại hình (đồng bằng, miền núi, miền biển), tập trung trên địa bàn các huyện Quảng Trạch, Minh Hóa, Lệ Thủy, kết quả nhiệm vụ đã hoàn thành các nội dung đề ra: Nghiên cứu lý luận chung về công tác phòng chống, tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ, khắc phục hậu quả lụt bão; Thực trạng công tác tham gia phòng chống, tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ; Xây dựng một số mô hình lực lượng vũ trang tham gia; Đã đưa ra một số nhóm giải pháp nhằm tăng cường công tác tham gia phòng chống, tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ, khắc phục hậu quả lũ lụt bão của lực lượng vũ trang tỉnh Quảng Bình như: Nhóm giải pháp tuyên truyền nhận thức của cán bộ chiến sĩ và người dân trong công tác phòng chống lụt bão; nhóm giải pháp về nâng cao năng lực, kỹ năng cho cán bộ chiến sĩ; nhóm giải pháp về thể chế; nhóm giải pháp về công tác phối hợp giữa các cấp, các ngành, các lực lượng, phương tiện…

Kết luận tại buổi nghiệm thu, Chủ tịch Hội đồng khoa học khẳng định kết quả của nhiệm vụ có ý nghĩa khoa học và thực tiễn rất lớn cho tỉnh Quảng Bình trong công tác khắc phục hậu quả của lụt, bão, hạn chế thấp nhất những thiệt hại do lụt, bão gây ra. Các giải pháp mà nhiệm vụ đưa ra sẽ là cơ sở khoa học để lực lượng vũ trang tỉnh Quảng Bình khắc phục được những hạn chế trong quá trình triển khai nhiệm vụ, phòng chống, tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ, khắc phục hậu quả lụt bão ■

TN

CẦN NÂNG CAO TIÊU CHUẨN, QUY CHUẨN KỸ THUẬT VỀ SẢN PHẨM, MÔI TRƯỜNG, TIẾT KIỆM NĂNG LƯỢNG

Trải qua hơn 2 năm sụt giảm do dịch bệnh kéo dài và diễn biến phức tạp, dòng vốn FDI vào Việt Nam đã có dấu hiệu khởi sắc trở lại nhờ những chính sách thu hút đầu tư hấp dẫn và chủ trương mở cửa trở lại nền kinh tế. Tổng cục Thống kê cho biết, quý I/2022, thu hút vốn FDI đạt hơn 8,9 tỷ USD, bằng 87,9% so cùng kỳ năm 2021.

Đặc biệt, tổng vốn thực hiện đạt 4,42 tỷ USD, tăng 7,8% so cùng kỳ và là mức cao nhất của quý I trong 5 năm qua. "Điều này chứng tỏ các nhà đầu tư nước ngoài đã coi Việt Nam là điểm đến đầu tư an toàn, thể hiện niềm tin về môi trường đầu tư kinh doanh, tiếp tục mở rộng đầu tư tại Việt Nam, khi Việt Nam kiểm soát tốt dịch Covid-19, nền kinh tế đang phục hồi và tăng trưởng trở lại trong trạng thái bình thường mới", Tổng cục Thống kê cho biết.

Dựa trên cơ sở tổng kết thực tiễn thu hút FDI tại Việt Nam và kinh nghiệm quốc tế, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đang đề xuất bảy tiêu chí thu hút FDI có chọn lọc, bao gồm suất đầu tư, lao động, công nghệ, chuyển giao công nghệ, tính liên kết và tác động lan tỏa, môi trường và quốc phòng - an ninh.

Trong đó, tiêu chí về suất đầu tư được đưa ra nhằm góp phần hạn chế tình trạng các dự án có quy mô nhỏ, vốn đầu tư thấp nhưng sử dụng diện tích đất lớn gây lãng phí nguồn lực đất đai; tiêu chí về số lao động sử dụng sẽ góp phần tăng hiệu quả sử dụng lao động, giảm áp lực về hạ tầng xã hội và trật tự, an ninh của các địa phương đã quá tải về mật độ tập trung lao động.

Tiêu chí về công nghệ được cụ thể hóa bằng điều kiện được hưởng ưu đãi đầu tư nếu dự án đáp ứng được các tiêu chí về tỷ lệ doanh thu từ sản phẩm công nghệ cao của doanh nghiệp trong tổng doanh thu thuần hàng năm; tỷ lệ tổng chi cho hoạt động nghiên cứu và phát triển được thực hiện tại Việt Nam trên tổng doanh thu thuần hàng năm và tỷ lệ lao động có trình độ chuyên môn từ đại học/cao đẳng trở lên thực hiện nghiên cứu và phát triển trên tổng số lao động của doanh nghiệp.

Tương tự, chuyển giao công nghệ cũng là một trong bốn tiêu chí để được áp dụng ưu đãi đầu tư đặc biệt, được xây dựng trên yêu cầu công nghệ được chuyển giao thuộc danh mục công nghệ khuyến khích chuyển giao theo quy định và số lượng doanh nghiệp Việt Nam được chuyển giao công nghệ.

Nhằm thực hiện mục tiêu tăng cường liên kết giữa khu vực doanh nghiệp FDI và doanh nghiệp trong nước, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đề xuất yêu cầu cụ thể về tính liên kết và tác động lan tỏa thể hiện bằng tỷ lệ doanh nghiệp Việt Nam trong tổng số doanh nghiệp tham gia và thực hiện hợp đồng lắp ráp, cung cấp linh kiện, nguyên vật liệu, dịch vụ để sản xuất ra sản phẩm và tỷ lệ giá thành sản phẩm được tạo ra bởi các doanh nghiệp Việt Nam tham gia chuỗi giá trị. Quy định này nhằm khắc phục một trong những hạn chế lớn nhất về thu hút FDI hiện nay khi tỷ lệ nội địa hóa của Việt Nam bình quân chỉ đạt từ 20-25%. Trong đó, dệt may, da giày đạt từ 40-45%; điện tử gia dụng 30-35%; nhiều lĩnh vực khác có tỷ lệ nội địa hóa rất thấp như lắp ráp ô tô cá nhân chỉ ở mức 7-10%, công nghiệp công nghệ cao chỉ 5-10%...

Liên quan vấn đề môi trường, tiêu chí quan

trọng nhằm thực hiện mục tiêu phát triển bền vững, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đề xuất cần nâng cao các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về sản phẩm, môi trường, tài nguyên và tiết kiệm năng lượng, giảm phát thải phù hợp tiêu chuẩn khu vực và thế giới. Đối với các tiêu chí về bảo đảm quốc phòng - an ninh cũng được thể chế hóa chặt chẽ tại Luật Đầu tư 2020 và Nghị định số 31/2021/NĐ-CP.

Theo đó, các hoạt động có ảnh hưởng đến quốc phòng-an ninh hoặc dự án tại các địa bàn "nhạy cảm" sẽ được các cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư thẩm định, xem xét kỹ hơn trong các khâu cấp giấy chứng nhận đầu tư dự án mới; góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp và trong quá trình hoạt động ■

Theo Vietq.vn

QUY CHUẨN CHẤT LƯỢNG NƯỚC MẶT QCVN 08-MT:2015/BTNMT YÊU CẦU NHƯ THẾ NÀO?

Nguồn nước mặt ngày càng ô nhiễm do điều kiện tự nhiên và các hoạt động của con người, chính vì thế việc theo dõi, đánh giá và kiểm soát chất lượng nguồn nước mặt là nhiệm vụ quan trọng và cấp bách trong giai đoạn hiện nay.

Quy chuẩn này quy định giá trị giới hạn thông số chất lượng nước mặt nước (nước chảy qua hoặc đọng lại trên mặt đất, sông, suối, kênh, mương, khe, rạch, hồ, ao, đầm).

Quy chuẩn này áp dụng để đánh giá và quản lý chất lượng nguồn nước mặt, làm căn cứ cho việc bảo vệ và sử dụng nước một cách phù hợp; Làm căn cứ để lập, phê duyệt quy hoạch sử dụng nước theo các mục đích sử dụng xác định; Đánh giá sự phù hợp của chất lượng nước mặt đối với quy hoạch sử dụng nước đã được phê duyệt; Làm căn cứ để kiểm soát các nguồn thải vào nguồn tiếp nhận, đảm bảo nguồn nước mặt luôn phù hợp với mục đích sử dụng; Làm căn cứ để thực hiện các biện pháp cải thiện, phục hồi chất lượng nước.

Bộ Tài nguyên và Môi trường yêu cầu giá trị giới hạn của các thông số chất lượng nước mặt quy định cụ thể cho 36 chỉ tiêu hóa lý và vi sinh cho từng mục đích sử dụng. Đáng chú ý, QCVN 08-MT:2015/BTNMT yêu cầu giá trị sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt thì chỉ tiêu vi sinh Coliform tối đa 2.500 MPN hoặc CFU/100ml; E.coli không quá 20 MPN hoặc CFU/100ml; Chì không quá 0,02mg/l; Asen 0,01mg/l; Thủy ngân 0,001mg/l; Benzene hexachloride 0,02µg/l...

Với mục đích sử dụng cho tưới tiêu, thủy lợi hoặc các mục đích sử dụng khác có yêu cầu chất lượng nước tương tự thì: Sắt không quá 1,5mg/l; Amoni tối đa là 0,9mg/l; pH từ 5,5-9; Xyanua 0,05mg/l. Quy chuẩn cũng quy định rất cụ thể phương pháp thử cho từng chỉ tiêu.

Quy chuẩn này áp dụng thay thế QCVN 08:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt ban hành tại Quyết định số 16/2008/QĐ-BTNMT ngày 31/12/2008 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

QCVN 38:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt bảo vệ đời sống thủy sinh và QCVN 39:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước dùng cho tưới tiêu được ban hành kèm theo Thông tư số 43/2011/TTBTNMT ngày 12/12/2011 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Quy chuẩn này có hiệu lực thi hành ■

Theo Vietq.vn

QUY CHUẨN THỨC ĂN CHĂN NUÔI THỦY SẢN CÓ GÌ ĐÁNG CHÚ Ý?

Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về thức ăn chăn nuôi và nguyên liệu sản xuất thức ăn thủy sản quy định hàm lượng tối đa cho phép các chỉ tiêu an toàn trong thức ăn chăn nuôi và nguyên liệu sản xuất thức ăn thủy sản.

Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-190:2020/BNNPTNT quy định hàm lượng tối đa cho phép các chỉ tiêu an toàn và quy định quản lý nguyên liệu sản xuất thức ăn thủy sản và thức ăn chăn nuôi (bao gồm thức ăn truyền thống, thức ăn bổ sung, thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh và thức ăn đậm đặc cho vật nuôi, trừ thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh, thức ăn đậm đặc cho vật nuôi). Quy chuẩn này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến kinh doanh thức ăn chăn nuôi, nguyên liệu sản xuất thức ăn thủy sản trên lãnh thổ Việt Nam.

Hàm lượng tối đa cho phép các chỉ tiêu an toàn trong thức ăn truyền thống, nguyên liệu sản xuất thức ăn thủy sản được quy định cụ thể trong quy chuẩn theo từng loại nguyên liệu để sản xuất.

Đáng chú ý với nguyên liệu từ thủy sản như dầu, mỡ yêu cầu Asen tổng số (As) cho phép tối đa là 25,0 mg/kg; Peroxid tối đa cho phép 40,0 meq/kg dầu...

Với các nguyên liệu có nguồn gốc từ động vật trên cạn như sữa và sản phẩm từ sữa chỉ số E.coli không có trong 1,0g; Salmonella không có trong 25g; Các loại nguyên liệu khác có

nguồn gốc từ động vật trên cạn Asen tổng số (As) cho phép tôi đa 10,0 mg/kg; Chì (Pb) cho phép tối đa là 10,0 mg/kg...

Trước khi lưu thông trên thị trường, tổ chức, cá nhân kinh doanh phải công bố hợp quy đối với thức ăn chăn nuôi thương mại, nguyên liệu sản xuất thức ăn thủy sản; hộ kinh doanh (sản xuất, mua bán, sơ chế) không phải công bố hợp quy đối với thức ăn truyền thống thương mại, nguyên liệu sản xuất thức ăn thủy sản.

Tổ chức, cá nhân công bố hợp quy được lựa chọn 1 trong 3 hình thức sau: Kết quả tự đánh giá sự phù hợp của tổ chức, cá nhân; Kết quả chứng nhận của tổ chức chứng nhận đã đăng ký lĩnh vực hoạt động hoặc thừa nhận theo quy định của pháp luật; Kết quả chứng nhận của tổ chức chứng nhận được chỉ định theo quy định của pháp luật ■

Theo Vietq.vn

QUY CHUẨN CHẤT LƯỢNG THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT YÊU CẦU GÌ?

Việt Nam là một trong những nước có nền nông nghiệp phát triển lâu đời với nhiều mặt hàng nông sản xuất khẩu chủ lực mang tầm vóc quốc tế như gạo, điều, cà phê, gia vị, rau củ quả... Để đạt năng suất cao trong nông nghiệp việc sử dụng thuốc bảo vệ thực vật là cần thiết, để đảm bảo chất lượng đối với sản phẩm thuốc bảo vệ thực vật, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã ban hành Quy chuẩn QCVN 01-188:2018/BNNPTNT.

Quy chuẩn quy định mức giới hạn chỉ tiêu chất lượng đối với thuốc bảo vệ thực vật, áp dụng với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước có liên quan đến hoạt động nhập khẩu, sản xuất, buôn bán thuốc bảo vệ thực vật; đánh giá sự phù hợp và công bố hợp quy thuốc bảo vệ thực vật ở Việt Nam.

Trong Quy chuẩn này, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn yêu cầu hàm lượng hoạt chất tối thiểu của thuốc kỹ thuật phải được đăng ký không nhỏ hơn quy định hiện hành của Bộ tại thông tư ban hành danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng tại Việt Nam và khi xác định, hàm lượng trung bình không được nhỏ hơn mức hàm lượng tối thiểu đã đăng ký.

Trường hợp hàm lượng hoạt chất tối thiểu của thuốc kỹ thuật chưa có trong quy định hiện hành thì phải đăng ký, được Cục Bảo vệ thực vật (Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) chấp thuận và khi xác định, hàm lượng trung bình không nhỏ hơn mức hàm lượng tối thiểu đã đăng ký.

Quy chuẩn QCVN 01-188:2018/BNNPTNT yêu cầu đối với chỉ tiêu vi sinh vật có trong các dạng thuốc bảo thực vật thành phẩm, mật độ vi sinh vật sống phải được đăng ký và khi xác định, mật độ trung bình không nhỏ hơn 10 lần mật độ đã đăng ký.

Đối với các thuốc bảo vệ thực vật sinh học có nguồn gốc từ thực vật, hàm lượng hoạt chất phải được đăng ký và khi xác định, hàm lượng hoạt chất trung bình tuân theo mức sai lệch cho phép quy định cụ thể trong quy chuẩn này ở giá trị nhỏ và không giới hạn ở giá trị lớn.

Lượng cặn còn lại trên rây có đường kính lỗ 75 µm sau khi thử rây khô: Không lớn hơn 5%. Thể tích bọt tạo thành sau 1 min: Không lớn hơn 60 ml. Sản phẩm sau khi pha với nước cứng chuẩn D ở 30°C ± 2°C trong 5 min, hàm lượng hoạt chất trong dung dịch huyền phù: Không nhỏ hơn 60%.

Sản phẩm sau khi pha loãng với nước cứng chuẩn C ở 30°C ± 2°C trong 24 giờ dung dịch đồng nhất trong suốt hoặc trắng sữa không lắng cặn. Nếu có cặn thì lượng cặn còn lại trên rây có đường kính lỗ 75 µm: không lớn hơn 2%...

Quy chuẩn QCVN 01-188:2018/BNNPTNT quy định thuốc bảo vệ thực vật nhập khẩu phải được công bố hợp quy dựa trên kết quả chứng nhận của tổ chức chứng nhận hợp quy được chỉ định. Đối với trường hợp sản xuất thuốc bảo vệ thực vật trong nước việc công bố hợp quy dựa trên kết quả chứng nhận của tổ chức chứng nhận hợp quy được chỉ định hoặc dựa trên kết quả tự đánh giá sự phù hợp của tổ chức, cá nhân.

Cục Bảo vệ thực vật có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra việc thực hiện Quy chuẩn này; trình Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn điều chỉnh, bổ sung các nội dung tại Quy chuẩn này khi cần thiết; chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp với các quy định tại Quy chuẩn này ■

Theo Vietq.vn